

<p>101. Kinh Devadaha</p>	<p>101. At Devadaha <i>(Devadaha Sutta)</i></p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: TT. Thích Nhật Từ)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: Bhikkhu Bodhi)</p>
<p>101. Kinh Devadaha (P. <i>Devadahassuttam</i>, H. 天臂經) tương đương <i>Ni-kiền kinh</i>.¹⁰¹</p>	<p>101. Devadaha Sutta: At Devadaha. The Buddha examines the Jain thesis that liberation is to be attained by self-mortification, proposing a different account of how striving becomes fruitful.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: HT. Thích Minh Châu</p>	<p>English Translation from Pāli: Bhikkhu Ñāṇamoli & Bhikkhu Bodhi</p>
<p>Như vậy tôi nghe: Một thời Thế Tôn trú ở giữa các Sakka (Thích ca). Devadaha là một thị trấn các Sakka. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo." "--Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:</p> <p>-- Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ; với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo tác các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai. Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ được đoạn diệt, tất cả khổ sẽ diệt tận". Này các Tỷ-kheo, lý thuyết các Nigaṇṭha (Ni kiền tử) là vậy.</p>	<p>[214] 1. THUS HAVE I HEARD. On one occasion the Blessed One was living in the Sakyān country where there was a town of the Sakyāns named Devadaha. There the Blessed One addressed the bhikkhus thus: "Bhikkhus." — "Venerable sir," they replied. The Blessed One said this:</p> <p>2. "Bhikkhus, there are some recluses and brahmins who hold such a doctrine and view as this: 'Whatever this person feels, whether pleasure or pain or neither-pain-nor-pleasure, all that is caused by what was done in the past.⁹²² So by annihilating with asceticism past actions⁹²³ and by doing no fresh actions, there will be no consequence in the future. With no consequence in the future, there is the destruction of action. With the destruction of action, there is the destruction of suffering. With the destruction of suffering, there is the destruction of feeling. With the destruction of feeling, all suffering will be exhausted.' So speak the Nigaṇṭhas, bhikkhus.</p>

Này các Tỷ-kheo, Ta nói như vậy, Ta đi đến các Nigaṇṭha và nói như sau:

"-- Chư Hiền Nigaṇṭha, có đúng sự thật chẳng, các Ông có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ; với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo tác các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai.

Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt, do nghiệp đoạn diệt khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ được đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận?"

Này các Tỷ-kheo, nếu các Nigaṇṭha ấy, khi được Ta hỏi, tự nhận có nói như vậy, Ta liền nói như sau:

"-- Chư Hiền Nigaṇṭha, các Ông có biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có hiện hữu, chúng tôi không hiện hữu?"

"-- Thưa Hiền giả, không như vậy.

"-- Chư Hiền Nigaṇṭha, các Ông có biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có tạo ác nghiệp, chúng tôi không tạo ác nghiệp?"

"-- Thưa Hiền giả, không như vậy.

"-- Chư Hiền Nigaṇṭha, các ông có biết: "Chúng tôi có tạo ác nghiệp như thế này hay như thế kia?"

"-- Thưa Hiền giả, không như vậy.

3. "I go to the Nigaṇṭhas who speak thus and I say:

'Friend Nigaṇṭhas, is it true that you hold such a doctrine and view as this: "Whatever this person feels... all suffering will be exhausted"?'

If, when they are asked thus, the Nigaṇṭhas admit this and say 'Yes,' I say to them:

4. "But, friends, do you know that you existed in the past, and that it is not the case that you did not exist?"

— 'No, friend.'

— 'But, friends, do you know that you did evil actions in the past and did not abstain from them?'

— 'No, friend.'

— 'But, friends, do you know that you did such and such evil actions?'

— 'No, friend.'

"-- Chư Hiền Niganṭha, các ông có biết: "Khổ mức độ như thế này đã được diệt tận hay khổ mức độ như thế này cần phải được diệt tận, hay với sự diệt tận khổ mức độ như thế này, tất cả khổ sẽ được diệt tận?"

"-- Thưa Hiền giả, không như vậy.

"-- Chư Hiền Niganṭha, các Ông có biết: "Sự đoạn tận các bất thiện pháp ngay trong hiện tại hay sự thành tựu các thiện pháp?"

"-- Thưa Hiền giả, không như vậy.

"-- Chư Hiền Niganṭha, như các Ông đã nói, các Ông không biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có hiện hữu, chúng tôi không hiện hữu";

các Ông không biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có tạo ác nghiệp, chúng tôi không tạo ác nghiệp"; các Ông không biết: "Chúng tôi có tạo ác nghiệp như thế này, hay như thế kia";

các Ông không biết: "Khổ mức độ như thế này đã được diệt tận, khổ mức độ như thế này cần phải được diệt tận, hay với sự diệt tận khổ mức độ như thế này, tất cả khổ sẽ được diệt tận";

các Ông không biết: "Sự đoạn tận các bất thiện pháp ngay trong hiện tại hay sự thành tựu các thiện pháp";

sự tình là như vậy, thời có hợp lý chăng, khi các Tôn giả Niganṭha lại trả lời: "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ,

với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai.

— 'But, friends, do you know that so much suffering has already been exhausted, or that so much suffering has still to be exhausted, or that when so much suffering has been exhausted all suffering will have been exhausted?'

— [215] 'No, friend.'

— 'But, friends, do you know what the abandoning of unwholesome states is and what the cultivation of wholesome states is here and now?'

— 'No, friend.'

5. "So, friends, it seems that you do not know that you existed in the past and that it is not the case that you did not exist;

or that you did evil actions in the past and did not abstain from them; or that you did such and such evil actions;

or that so much suffering has already been exhausted, or that so much suffering has still to be exhausted, or that when so much suffering has been exhausted all suffering will have been exhausted;

or what the abandoning of unwholesome states is and what the cultivation of wholesome states is here and now.

That being so, it is not fitting for the venerable Niganṭhas to declare: "Whatever this person feels, whether pleasure or pain or neither-pain-nor-pleasure, all that is caused by what was done in the past.

So by annihilating with asceticism past actions and by doing no fresh actions, there will be no consequence in the future.

Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp được đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ được đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ được đoạn diệt tất cả khổ thọ sẽ được diệt tận?".

"-- Chư Hiền Nigantha, nếu các Ông được biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có hiện hữu, chúng tôi không hiện hữu"; các Ông được biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có tạo ác nghiệp, chúng tôi không tạo ác nghiệp"; các Ông được biết: "Chúng tôi có tạo ác nghiệp như thế này, hay như thế kia"; các Ông được biết: "Khổ mức độ như thế này đã được diệt tận, hay khổ mức độ như thế này cần phải được diệt tận, hay với sự diệt tận khổ mức độ như thế này, tất cả khổ sẽ được diệt tận"; các Ông được biết: "Sự đoạn tận các bất thiện pháp ngay trong hiện tại hay sự thành tựu các thiện pháp";

sự tình là như vậy, thời thật là hợp lý khi các Tôn giả Nigantha trả lời: "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ; với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai.

Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp được đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ được đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt, do cảm thọ được đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận".

"-- Chư Hiền Nigantha, ví như một người bị mũi tên bắn, mũi tên được tẩm thuốc độc rất dày. Người ấy do nhân cảm xúc mũi tên, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Bạn bè, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ giải phẫu đến.

With no consequence in the future... all suffering will be exhausted."

6. "If, friend Niganthas, you knew that you existed in the past and that it is not the case that you did not exist; or that you did evil actions in the past and did not abstain from them; or that you did such and such evil actions; or that so much suffering has already been exhausted, or that so much suffering has still to be exhausted, or that when so much suffering has been exhausted all suffering will have been exhausted; or what the abandoning of unwholesome states is and what the cultivation of wholesome states is here and now;

that being so, it would be fitting for the venerable Niganthas to declare: "Whatever this person feels... [216]... all suffering will be exhausted."

7. "Friend Niganthas, suppose a man were wounded by an arrow thickly smeared with poison, and because of this he felt painful, racking, piercing feelings. Then his friends and companions, kinsmen and relatives, brought a surgeon.

Vị y sĩ giải phẫu lấy dao cắt rộng miệng vết thương. Người ấy do nhân dao cắt miệng vết thương, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Vị y sĩ giải phẫu ấy dò tìm mũi tên với vật dụng dò tìm. Người ấy do nhân bị dò tìm mũi tên với vật dụng dò tìm, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Vị y sĩ giải phẫu rút mũi tên ra khỏi người ấy. Người ấy do nhân được rút mũi tên, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Vị y sĩ giải phẫu ấy cho đốt miệng vết thương với than đỏ (hay đắp miệng vết thương với vải nóng như than đỏ). Người ấy do nhân miệng vết thương bị than đỏ đốt, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Sau một thời gian, khi da đã bắt đầu lành trên miệng vết thương, người ấy không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, và đi vào chỗ nào người ấy muốn.

Người ấy suy nghĩ như sau: "Trước kia ta bị mũi tên bắn, mũi tên được tẩm thuốc độc rất dày. Do nhân cảm xúc mũi tên, ta thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Bạn bè, bà con huyết thống của ta có mời một y sĩ giải phẫu đến.

Vị y sĩ giải phẫu ấy lấy dao cắt rộng miệng vết thương. Ta do nhân dao cắt rộng miệng vết thương thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Vị y sĩ giải phẫu ấy dò tìm mũi tên với vật dụng dò tìm. Do nhân bị dò tìm mũi tên với vật dụng dò tìm ta thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Vị y sĩ giải phẫu ấy rút mũi tên ra khỏi ta. Do nhân được rút mũi tên, ta thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ.

The surgeon would cut around the opening of the wound with a knife, probe for the arrow with a probe, pull out the arrow, and apply a medicinal powder to the opening of the wound, and at each step the man would feel painful, racking, piercing feelings.

Then on a later occasion, when the wound was healed and covered with skin, the man would be well and happy, independent, master of himself, able to go where he likes.

He might think: "Formerly I was pierced by an arrow thickly smeared with poison, and because of this I felt painful, racking, piercing feelings. Then my friends and companions, kinsmen and relatives, brought a surgeon.

The surgeon cut around the opening of the wound with a knife, probed for the arrow with a probe,

pulled out the arrow, and applied a medicinal powder to the opening of the wound, and at each step I felt painful, racking, piercing feelings. [217]

Vị y sĩ giải phẫu ấy cho đốt miệng vết thương với than đỏ (hay đắp miệng vết thương với vải nóng như than đỏ). Do nhân miệng vết thương bị than đỏ đốt, ta thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Nay da đã bắt đầu lành trên miệng vết thương, ta không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, và đi chỗ nào ta muốn".

"Như vậy, này chư Hiền Nigaṇṭha, nếu các Ông được biết: "Trong quá khứ, chúng tôi hiện hữu, chúng tôi không hiện hữu";

các Ông được biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có tạo ác nghiệp, chúng tôi không tạo ác nghiệp", các Ông được biết: "Chúng tôi có tạo ác nghiệp, như thế này hay như thế kia",

các Ông được biết: "Khổ mức độ như thế này đã được diệt tận, hay khổ mức độ như thế này cần phải được diệt tận; hay với sự diệt tận khổ mức độ như thế này, tất cả khổ sẽ được diệt tận";

các Ông được biết: "Sự đoạn tận các bất thiện pháp ngay trong hiện tại hay sự thành tựu các thiện pháp";

sự tình là như vậy, thời thật là hợp lý khi các Tôn giả Nigaṇṭha trả lời: "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ; với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo tác các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai.

Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ được đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận".

But now that the wound is healed and covered with skin, I am well and happy, independent, my own master, able to go where I like."

8. "So too, friend Nigaṇṭhas, if you knew that you existed in the past and that it is not the case that you did not exist... or what the abandoning of unwholesome states is and what the cultivation of wholesome states is here and now;

that being so, it would be fitting for the venerable Nigaṇṭhas to declare: "Whatever this person feels... all suffering will be exhausted."

"Chư Hiền Nigaṇṭha, và vì rằng các Ông không được biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có hiện hữu, chúng tôi không hiện hữu";

các Ông không được biết: "Chúng tôi có tạo ác nghiệp, chúng tôi không tạo ác nghiệp"; các Ông không được biết: "Chúng tôi có tạo ác nghiệp như thế này, hay như thế kia";

các Ông không được biết: "Khổ mức độ như thế này đã được diệt tận, hay khổ mức độ như thế này cần phải được diệt tận, hay với sự diệt tận khổ mức độ như thế này, tất cả khổ sẽ được diệt tận";

các Ông không được biết: "Sự đoạn tận các bất thiện pháp ngay trong hiện tại hay sự thành tựu các thiện pháp";

thời thật là không hợp lý khi các Tôn giả Nigaṇṭha trả lời: "Phàm cảm giác gì con người lãnh thọ, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ; với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ; với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai.

Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ được đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận".

Này các Tỷ-kheo, khi được nói vậy, các Nigaṇṭha ấy nói với Ta:

"-- Thưa Hiền giả, Nigaṇṭha Nātaputta là bậc toàn tri, toàn kiến, tự xưng là có tri kiến toàn diện như sau: "Dầu ta có đi, có đứng, có ngủ và có thức, tri kiến luôn luôn được tồn tại liên tục ở nơi ta".

Vị ấy nói như sau: "Này các Nigaṇṭha, nếu xưa kia các Ông có làm ác nghiệp, hãy làm cho nghiệp ấy tiêu mòn

9. "“But since, friend Nigaṇṭhas, you do not know that you existed in the past and that it is not the case that you did not exist...

or what the abandoning of unwholesome states is and what the cultivation of wholesome states is here and now,

it is not fitting for the venerable Nigaṇṭhas to declare: “Whatever this person feels... all suffering will be exhausted.””

10. “When this was said, the Nigaṇṭhas told me: [218]

‘Friend, the Nigaṇṭha Nātaputta is omniscient and all-seeing and claims to have complete knowledge and vision thus: “Whether I am walking or standing or asleep or awake, knowledge and vision are continuously and uninterruptedly present to me.”

He says thus: “Nigaṇṭhas, you have done evil actions in

bằng khổ hạnh thống khổ này.

Chính do hộ trì thân, hộ trì lời nói, hộ trì ý ở đây, ngay trong hiện tại nên không làm các nghiệp trong tương lai. Với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai.

Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ được đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận". Và vì chúng tôi chấp nhận và chúng tôi kham nhẫn điều ấy, nên chúng tôi được hoan hỷ".

Khi được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với các vị Niganṭha ấy:

"-- Chư Hiền Niganṭha, có năm pháp này, ngay trong hiện tại có hai quả báo. Thế nào là năm? Tín, hỷ, tùy văn, thẩm định lý do (*akaraparivitakka*), kham nhẫn chấp thọ (tà) kiến.

Này chư Hiền Niganṭha, năm pháp này ngay trong hiện tại có hai quả báo.

Ở đây, thế nào là lòng tin các Tôn giả Niganṭha ấy đối với bậc Đạo sư trong quá khứ? Thế nào là sự hoan hỷ, thế nào là sự tùy văn, thế nào là thẩm định lý do, thế nào là kham nhẫn chấp thọ (tà) kiến các vị ấy?"

Này các Tỷ-kheo, nói như vậy, Ta không thấy một câu trả lời hợp pháp nào giữa các vị Niganṭha. Và lại nữa này các Tỷ-kheo, Ta nói với các vị Niganṭha ấy như sau:

"-- Chư Hiền Niganṭha, các Ông nghĩ thế nào? Khi các

the past; exhaust them with the performance of piercing austerities.

And when you are here and now restrained in body, speech, and mind, that is doing no evil actions for the future. So by annihilating with asceticism past actions and by doing no fresh actions, there will be no consequence in the future.

With no consequence in the future... all suffering will be exhausted." We approve of and accept this, and so we are satisfied.'

11. "When this was said, I told the Niganṭhas:⁹²⁴

'There are five things, friend Niganṭhas, that may turn out in two different ways here and now. What five? They are: faith, approval, oral tradition, reasoned cogitation, and reflective acceptance of a view.

These five things may turn out in two different ways here and now.

Herein, what kind of faith do the venerable Niganṭhas have in a teacher who speaks about the past? What kind of approval, what kind of oral tradition, what kind of reasoned cogitation, what kind of reflective acceptance of a view?'

Speaking thus, bhikkhus, I did not see any legitimate defence of their position by the Niganṭhas.

12. "Again, bhikkhus, I said to the Niganṭhas: 'What do

Ông tha thiết tinh tấn, tha thiết tinh cần, khi ấy có phải các Ông thọ lãnh những cảm giác thống khổ, đột khởi, đau đớn, cực khổ, thống khổ?

Còn trong khi các Ông không tha thiết tinh tấn, không tha thiết tinh cần, khi ấy có phải các Ông không thọ lãnh những cảm giác thống khổ, đột khởi, đau đớn, cực khổ, thống khổ?

"-- Thừa Hiền giả Gotama, khi chúng tôi tha thiết tinh tấn, tha thiết tinh cần, khi ấy chúng tôi thọ lãnh những cảm giác thống khổ, đột khởi, đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Còn trong khi chúng tôi không tha thiết tinh tấn, không tha thiết tinh cần, khi ấy chúng tôi không thọ lãnh những cảm giác thống khổ, đột khởi, đau đớn, cực khổ, thống khổ.

"-- Như vậy, này chư Hiền Nigaṇṭha, khi các Ông tha thiết tinh tấn, tha thiết tinh cần, khi ấy các Ông thọ lãnh những cảm giác thống khổ, đột khởi, đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Còn trong khi các Ông không tha thiết tinh tấn, không tha thiết tinh cần, khi ấy các Ông không thọ lãnh những cảm giác thống khổ, đột khởi, đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Sự tinh là như vậy, thời thật là hợp lý khi các Tôn giả Nigaṇṭha trả lời: "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ; với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai.

Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp được đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ được đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ được đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận".

"Này chư Hiền Nigaṇṭha, nếu trong khi các Ông tha thiết

you think, friend Nigaṇṭhas? When there is intense exertion, intense striving, do you then feel painful, racking, piercing feelings due to intense exertion?

But when there is no intense exertion, no intense striving, do you then not feel any painful, racking, piercing feelings due to intense exertion?'

— 'When there is intense exertion, friend Gotama, intense striving, then we feel painful, racking, piercing feelings due to intense exertion; [219]

but when there is no intense exertion, no intense striving, then we do not feel any painful, racking, piercing feelings due to intense exertion.'

13. "So it seems, friend Nigaṇṭhas, that when there is intense exertion... you feel painful, racking, piercing feelings due to intense exertion;

but when there is no intense exertion... you do not feel any painful, racking, piercing feelings due to intense exertion.

That being so, it is not fitting for the venerable Nigaṇṭhas to declare:⁹²⁵ "Whatever this person feels, whether pleasure or pain or neither-pain-nor-pleasure, all that is caused by what was done in the past.

So by annihilating with asceticism past actions and by doing no fresh actions, there will be no consequence in the future. With no consequence... all suffering will be exhausted."

14. "If, friend Nigaṇṭhas, when there was intense exertion,

intense striving, then painful, racking, piercing feelings due to intense exertion were present,

and when there was no intense exertion, no intense striving, then painful, racking, piercing feelings due to intense exertion were still present;

that being so, it would be fitting for the venerable Nigaṇṭhas to declare: "Whatever this person feels... all suffering will be exhausted."

15. "But since, friend Nigaṇṭhas, when there is intense exertion, intense striving, then you feel painful, racking, piercing feelings due to intense exertion,

but when there is no intense exertion, no intense striving, then you do not feel painful, racking, piercing feelings due to intense exertion,

you are therefore feeling only the painful, racking, piercing feelings of your self-imposed exertion, and it is through ignorance, unknowing, and delusion [220] that you mistakenly hold: "Whatever this person feels... all suffering will be exhausted."

10

Này các Tỷ-kheo, nói như vậy, Ta không thấy một câu trả lời hợp lý nào giữa các vị Niganṭha. Và lại nữa, này các Tỷ-kheo, Ta nói với các vị Niganṭha ấy như sau:

"-- Chư Hiền Niganṭha, các ông nghĩ thế nào? Có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp được thọ quả hiện tại này, do tinh tấn, hay do tinh cần có thể khiến được thọ quả tương lai?"

"-- Thưa không vậy, Hiền giả.

"-- Có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp được thọ quả tương lai này do tinh tấn hay do tinh cần có thể khiến được thọ quả hiện tại?"

"-- Thưa không vậy, Hiền giả.

"-- Chư Hiền Niganṭha, các Ông nghĩ thế nào? Có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp được lãnh lạc thọ này, do tinh tấn hay tinh cần có thể được lãnh khổ thọ?"

"-- Thưa không vậy, Hiền giả.

"-- Có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp được lãnh khổ thọ này, do tinh tấn hay tinh cần có thể được lãnh lạc thọ?"

"-- Thưa không vậy, Hiền giả.

Speaking thus, bhikkhus, I did not see any legitimate defence of their position by the Niganṭhas.

16. "Again, bhikkhus, I said to the Niganṭhas: 'What do you think, friend Niganṭhas? Is it possible that an action [whose result] is to be experienced here and now⁹²⁶ can, through exertion and striving, become one [whose result] is to be experienced in the next life?'

— 'No, friend.'

— 'But is it possible that an action [whose result] is to be experienced in the next life can, through exertion and striving, become one [whose result] is to be experienced here and now?'

— 'No, friend.'

17. "What do you think, friend Niganṭhas? Is it possible that an action [whose result] is to be experienced as pleasant can, through exertion and striving, become one [whose result] is to be experienced as painful?'

— 'No, friend.'

— 'But is it possible that an action [whose result] is to be experienced as painful can, through exertion and striving, become one [whose result] is to be experienced as pleasant?'

— 'No, friend.'

"-- Chư Hiền Nigaṇṭha, các Ông nghĩ thế nào? Có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp mà quả lãnh thọ đã được thuần thực này do tinh tấn hay tinh cần, có thể trở thành không thuần thực?"

"-- Thưa không vậy, Hiền giả.

"-- Có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp mà quả lãnh thọ chưa được thuần thực này, do tinh tấn hay tinh cần, có thể trở thành thuần thực?"

"-- Thưa không vậy, Hiền giả.

"-- Chư Hiền Nigaṇṭha, các Ông nghĩ thế nào? Có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp đã sở thọ này do tinh tấn hay tinh cần trở thành thiếu sở thọ?"

"-- Thưa không vậy, Hiền giả.

"-- Có thể nói được chăng: "Mong rằng nghiệp thiếu sở thọ này do tinh tấn hay do tinh cần trở thành đã sở thọ?"

"-- Thưa không vậy, Hiền giả.

"-- Chư Hiền Nigaṇṭha, các Ông nghĩ thế nào? Có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp có sở thọ này do tinh tấn hay tinh cần trở thành nghiệp không có sở thọ?"

18. "“What do you think, friend Nigaṇṭhas? Is it possible that an action [whose result] is to be experienced in a matured [personality] can, by exertion and striving, become one [whose result] is to be experienced in an unmatured [personality]?”⁹²⁷

— ‘No, friend.’

— ‘But is it possible that an action [whose result] is to be experienced in an unmatured [personality] can, by exertion and striving, become one [whose result] is to be experienced in a matured personality?’

— ‘No, friend.’

19. "“What do you think, friend Nigaṇṭhas? [221] Is it possible that an action [whose result] is to be much experienced can, through exertion and striving, become one [whose result] is to be little experienced?”

— ‘No, friend.’

— ‘But is it possible that an action [whose result] is to be little experienced can, through exertion and striving, become one [whose result] is to be much experienced?’

— ‘No, friend.’

20. "“What do you think, friend Nigaṇṭhas? Is it possible that an action [whose result] is to be experienced can, through exertion and striving, become one [whose result] is not to be experienced?”⁹²⁸

"-- Thừa không vậy, Hiền giả.

"-- Có thể được chăng: "Mong rằng nghiệp không có sở thọ này, do tinh tấn hay tinh cần trở thành nghiệp có sở thọ?"

"-- Thừa không vậy, Hiền giả.

"-- Như vậy, này chư Hiền Nigaṇṭha, không thể được: "Mong rằng nghiệp được thọ quả hiện tại này, do tinh tấn hay tinh cần trở thành nghiệp được thọ quả tương lai".

Không thể được: "Mong rằng nghiệp được thọ quả tương lai này, do tinh tấn hay do tinh cần, trở thành nghiệp được thọ quả hiện tại".

Không thể được: "Mong rằng nghiệp được lãnh lạc thọ này, do tinh tấn hay tinh cần trở thành nghiệp được lãnh khổ thọ".

Không thể được: "Mong rằng nghiệp được lãnh khổ thọ này, do tinh tấn hay tinh cần trở thành nghiệp được lãnh lạc thọ".

Không thể được: "Mong rằng nghiệp mà quả lãnh thọ đã được thành thực này, do tinh tấn hay tinh cần có thể trở thành không thành thực".

Không thể được: "Mong rằng nghiệp mà quả lãnh thọ không thành thực này, do tinh tấn hay tinh cần có trở thành thành thực".

— 'No, friend.'

— 'But is it possible that an action [whose result] is not to be experienced can, through exertion and striving, become one [whose result] is to be experienced?'

— 'No, friend.'

21. "So it seems, friend Nigaṇṭhas, that it is impossible that an action [whose result] is to be experienced here and now can, through exertion and striving, become one [whose result] is to be experienced in the next life,

and impossible that an action [whose result] is to be experienced in the next life can, through exertion and striving, become one [whose result] is to be experienced here and now;

impossible that an action [whose result] is to be experienced as pleasant can, through exertion and striving, become one [whose result] is to be experienced as painful,

and impossible that an action [whose result] is to be experienced as painful can, through exertion and striving, become one [whose result] is to be experienced as pleasant;

impossible that an action [whose result] is to be experienced in a matured [personality] can, by exertion and striving, become one [whose result] is to be experienced in an unmatured [personality],

and impossible that an action [whose result] is to be experienced in an unmatured [personality] can, through exertion and striving, become one [whose result] is to be experienced in a matured [personality];

Không thể được: "Mong rằng nghiệp đa sở thọ này do tinh tấn hay tinh cần, trở thành thiếu sở thọ".

Không thể được: "Mong rằng nghiệp thiếu sở thọ này, do tinh tấn hay tinh cần trở thành đa sở thọ".

Không thể được: "Mong rằng nghiệp không có sở thọ này, do tinh tấn hay tinh cần trở thành có sở thọ".

Không thể được: "Mong rằng nghiệp có sở thọ này, do tinh tấn hay tinh cần trở thành không có sở thọ".

Sự tinh là như vậy, thời sự tinh tấn của các Tôn giả Nigaṇṭha là không có kết quả, sự tinh cần của họ là không có kết quả".

Này các Tỷ-kheo, các Nigaṇṭha nói như vậy. Này các Tỷ-kheo, mười thuyết tùy thuyết (Tùy thuận thuyết Vādānuvādā) hợp pháp do các Nigaṇṭha đã nói như vậy đưa đến sự chỉ trích:

(1) Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân các việc làm quá khứ, lãnh thọ lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, các Nigaṇṭha thật sự đã làm những ác hạnh trong thời quá khứ, nên nay họ phải lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ như vậy.

(2) Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân một vị Tạo hóa tạo ra lãnh thọ những cảm giác lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, các Nigaṇṭha thật sự được tạo ra bởi một vị

impossible that an action [whose result] is to be much experienced can, through exertion and striving, become one [whose result] is to be little experienced,

and impossible that an action [whose result] is to be little experienced can, through exertion and striving, become one [whose result] is to be much experienced;

impossible that an action [whose result] is to be experienced can, through exertion and striving, become one [whose result] is not to be experienced,

and impossible that an action [whose result] is not to be experienced can, through exertion and striving, become one [whose result] is to be experienced.

That being so, the venerable Nigaṇṭhas' exertion is fruitless, [222] their striving is fruitless.'

22. "So speak the Nigaṇṭhas, bhikkhus. And because the Nigaṇṭhas speak thus, there are ten legitimate deductions from their assertions that provide ground for censuring them:

(1) "If the pleasure and pain that beings feel are caused by what was done in the past, then the Nigaṇṭhas surely must have done bad deeds in the past, since they now feel such painful, racking, piercing feelings.

(2) "If the pleasure and pain that beings feel are caused by the creative act of a Supreme God,⁹²⁹ then the Nigaṇṭhas surely must have been created by an evil Supreme God,

Tạo hóa ác độc, vì rằng nay họ lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ.

(3) Như vậy, này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân kết hợp các điều kiện (*sangatibhava*), thọ lãnh lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, các Nigaṇṭha thật sự bị ác kết hợp, vì rằng nay họ lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ như vậy.

(4) Này các Tỷ-kheo, nếu các loài hữu tình do nhân sanh loại (*ahbijati*) lãnh thọ những cảm giác lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, các Nigaṇṭha thật sự bị ác sinh loại, vì rằng nay họ lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ như vậy.

(5) Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân tinh tấn hiện tại, thọ lãnh lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, các Nigaṇṭha thật sự đã tạo ác tinh tấn hiện tại, vì rằng nay họ lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ.

(6) Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân việc làm quá khứ thọ lãnh lạc khổ, các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích. Nếu các hữu tình không do nhân việc làm quá khứ thọ lãnh lạc khổ, các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích.

(7) Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân được một vị Tạo hóa tạo ra thọ lãnh lạc khổ, các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích. Nếu các hữu tình không do nhân được một vị Tạo hóa tạo ra thọ lãnh lạc khổ, các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích.

(8) Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân kết hợp các điều kiện thọ lãnh lạc khổ, các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích. Nếu các hữu tình không do nhân kết hợp các điều

since they now feel such painful, racking, piercing feelings.

(3) “If the pleasure and pain that beings feel are caused by circumstance and nature,⁹³⁰ then the Nigaṇṭhas surely must have bad luck, since they now feel such painful, racking, piercing feelings.

(4) “If the pleasure and pain that beings feel are caused by class [among the six classes of birth],⁹³¹ then the Nigaṇṭhas surely must belong to a bad class, since they now feel such painful, racking, piercing feelings.

(5) “If the pleasure and pain that beings feel are caused by exertion here and now, then the Nigaṇṭhas surely must strive badly here and now, since they now feel such painful, racking, piercing feelings.

(6) “If the pleasure and pain that beings feel are caused by what was done in the past, then the Nigaṇṭhas are to be censured; if not, then the Nigaṇṭhas are still to be censured.

(7) “If the pleasure and pain that beings feel are caused by the creative act of a Supreme God, then the Nigaṇṭhas are to be censured; if not, they are still to be censured.

(8) “If the pleasure and pain that beings feel are caused by chance, then the Nigaṇṭhas are to be censured; if not, they are still to be censured.

kiện thọ lãnh lạc khổ các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích.

(9) Nay các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân sanh loại thọ lãnh lạc khổ, các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích. Nếu các hữu tình không do nhân sanh loại thọ lãnh lạc khổ, các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích.

(10) Nay các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân tinh cần hiện tại thọ lãnh lạc khổ, các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích. Nếu các hữu tình không do nhân tinh cần hiện tại thọ lãnh lạc khổ, các Nigaṇṭha đáng bị chỉ trích.

Này các Tỷ-kheo, các Nigaṇṭha nói như vậy. Này các Tỷ-kheo, mười thuyết tùy thuyết hợp pháp các Nigaṇṭha đã nói như vậy đưa đến sự chỉ trích. Như vậy, này các Tỷ-kheo, sự tinh tấn của các Nigaṇṭha là không có kết quả, sự tinh cần của họ là không có kết quả.

-- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự tinh tấn có kết quả? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không để cho tự ngã chưa bị nhiếp phục, bị đau khổ nhiếp phục và không từ bỏ lạc thọ hợp pháp, và không để lạc thọ ấy chi phối.

Vị ấy biết như sau: "Trong khi ta tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ này, do chống lại nguyên nhân đau khổ, ta không có tham dục.

Nhưng trong khi ta xả đối với nguyên nhân đau khổ này, trong khi tu tập xả, ta không có tham dục".

Khi vị Tỷ-kheo tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ, do tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ, vị ấy không có tham dục. Do vậy, ở đây, vị ấy tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ.

(9) "If the pleasure and pain that beings feel are caused by class, then the Nigaṇṭhas are to be censured; if not, they are still to be censured.

(10) "If the pleasure and pain that beings feel are caused by exertion here and now, [223] then the Nigaṇṭhas are to be censured; if not, they are still to be censured.

"So speak the Nigaṇṭhas, bhikkhus. And because the Nigaṇṭhas speak thus, these ten legitimate deductions from their assertions provide grounds for censuring them. Thus their exertion is fruitless, their striving is fruitless.

23. "And how is exertion fruitful, bhikkhus, how is striving fruitful? Here, bhikkhus, a bhikkhu who is not overwhelmed with suffering does not overwhelm himself with suffering; and he does not give up the pleasure that accords with Dhamma, yet he is not infatuated with that pleasure.⁹³²

He knows thus: 'When I strive with determination, this particular source of suffering fades away in me because of that determined striving;

and when I look on with equanimity, this particular source of suffering fades away in me while I develop equanimity.'⁹³³

He strives with determination in regard to that particular source of suffering which fades away in him because of that determined striving; and he develops equanimity in regard to that particular source of suffering which fades away in

Nhưng trong khi vị ấy xả đối với nguyên nhân đau khổ, trong khi tu tập xả, vị ấy không có tham dục. Do vậy, ở đây, vị ấy tu tập xả. Trong khi vị ấy tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ ấy, do tinh cần chống lại nguyên nhân, vị ấy không có tham dục. Như vậy sự đau khổ ấy đối với vị ấy được diệt tận.

Trong khi vị ấy xả đối với nguyên nhân đau khổ ấy, trong khi tu tập xả, vị ấy không có tham dục. Như vậy sự đau khổ ấy đối với vị ấy được diệt tận.

Này các Tỷ-kheo, ví như một người luyến ái một nữ nhân, tâm tư say đắm, nhiệt tình ái mộ, nhiệt tình luyến mộ. Người ấy thấy nữ nhân này đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt.

Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy, khi thấy nữ nhân này đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt, có sanh sầu, bi, khổ, ưu, não không?

-- Thưa có vậy, bạch Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì rằng người ấy luyến ái nữ nhân kia, tâm tư say đắm, nhiệt tình ái mộ, nhiệt tình luyến mộ.

Do vậy, người ấy khi thấy nữ nhân kia đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt, nên sanh sầu, bi, khổ, ưu, não.

-- Nhưng này các Tỷ-kheo, người ấy có thể suy nghĩ như sau: "Ta luyến ái nữ nhân này, tâm tư say đắm, nhiệt tình ái mộ, nhiệt tình luyến mộ.

Khi ta thấy nữ nhân này đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện đùa giỡn và cười cợt, ta sanh sầu, bi, khổ,

him while he is developing equanimity.

When he strives with determination, such and such a source of suffering fades away in him because of that determined striving; thus that suffering is exhausted in him.

When he looks on with equanimity, such and such a source of suffering fades away in him while he develops equanimity; thus that suffering is exhausted in him.

24. "Suppose, bhikkhus, a man loved a woman with his mind bound to her by intense desire and passion. He might see that woman standing with another man, chatting, joking, and laughing.

What do you think, bhikkhus? Would not sorrow, lamentation, pain, grief, and despair arise in that man when he sees that woman standing with another man, chatting, joking, and laughing?"

"Yes, venerable sir. Why is that? Because that man loves that woman with his mind bound to her by intense desire and passion; [224]

that is why sorrow, lamentation, pain, grief, and despair would arise in him when he sees her standing with another man, chatting, joking, and laughing."

25. "Then, bhikkhus, the man might think: 'I love this woman with my mind bound to her by intense desire and passion;

thus sorrow, lamentation, pain, grief, and despair arise in me when I see her standing with another man, chatting,

ưu, não. Vậy ta hãy bỏ lòng tham luyến đối với nữ nhân này".

Rồi người ấy bỏ lòng tham luyến đối với nữ nhân kia. Sau một thời gian, người ấy thấy nữ nhân kia đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt.

Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy khi thấy nữ nhân kia đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt, có sanh sầu, bi, khổ, ưu não, không?

-- Bạch Thế Tôn, không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn vì rằng, người này đối với nữ nhân kia không còn tham luyến.

Do vậy, khi thấy nữ nhân kia đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt, người ấy không sanh sầu bi, khổ, ưu, não.

-- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một người không để cho tự ngã chưa bị nhiếp phục, bị đau khổ nhiếp phục và không từ bỏ lạc thọ hợp pháp, và không để lạc thọ ấy chi phối.

Vị ấy biết như sau: "Trong khi ta tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ này, do chống lại nguyên nhân đau khổ, ta không có tham dục.

Nhưng trong khi ta xả đối với nguyên nhân đau khổ này, trong khi tu tập xả, ta không có tham dục".

Khi vị ấy tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ, do tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ, vị ấy không có tham dục.

Do vậy, ở đây, vị ấy tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ.

Nhưng trong khi vị ấy xả đối với nguyên nhân đau khổ, trong khi tu tập xả, vị ấy không có tham dục.

joking, and laughing. What if I were to abandon my desire and lust for that woman?’

He would abandon his desire and lust for that woman. On a later occasion he might see that woman standing with another man, chatting, joking, and laughing.

What do you think, bhikkhus? Would sorrow, lamentation, pain, grief, and despair arise in that man when he sees that woman standing with another man... ?”

“No, venerable sir. Why is that? Because that man no longer loves that woman;

that is why sorrow, lamentation, pain, grief, and despair do not arise in him when he sees that woman standing with another man... ”

26. “So too, bhikkhus, when a bhikkhu who is not overwhelmed with suffering does not overwhelm himself with suffering... (as in §23 above) [225]...

Do vậy, ở đây, vị ấy tu tập xả. Trong khi vị ấy tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ ấy, do tinh cần chống lại nguyên nhân, vị ấy không có tham dục.

Như vậy, sự đau khổ đối với vị ấy được diệt tận.

Trong khi vị ấy xả đối với nguyên nhân đau khổ ấy, trong khi tu tập xả, vị ấy không có tham dục.

Như vậy, sự đau khổ đối với vị ấy được diệt tận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, sự tinh cần có kết quả.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo lại suy nghĩ như sau: "Khi ta trú vào lạc, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp giảm thiểu. Nhưng khi ta tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã, các bất thiện pháp giảm thiểu, các thiện pháp tăng trưởng.

Vậy ta hãy tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã". Vị ấy tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã. Do tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã, các bất thiện pháp giảm thiểu, các thiện pháp tăng trưởng.

Vị ấy sau một thời gian, không tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã.

Vì sao vậy? Vì mục đích vị Tỷ-kheo ấy tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã đã thành tựu. Do vậy, sau một thời gian vị ấy không tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm tên, hơi nóng và đốt nóng thân tên giữa hai ngọn lửa, khiến thân tên được thẳng và dễ uốn nắn.

Nhưng này các Tỷ-kheo, khi thân tên của người làm tên, đã được hơi nóng và đốt nóng giữa hai ngọn lửa trở thành thẳng và dễ uốn nắn, người ấy sau một thời gian không còn

thus that suffering is exhausted in him. Thus, bhikkhus, the exertion is fruitful, the striving is fruitful.

27. "Again, bhikkhus, a bhikkhu considers thus: 'While I live according to my pleasure, unwholesome states increase in me and wholesome states diminish; but when I exert myself in what is painful, unwholesome states diminish in me and wholesome states increase.

What if I exert myself in what is painful?' He exerts himself in what is painful. When he does so, unwholesome states diminish in him and wholesome states increase.⁹³⁴

At a later time he does not exert himself in what is painful.

Why is that? The purpose for which that bhikkhu exerted himself in what is painful has been achieved; that is why at a later time he does not exert himself in what is painful.

28. "Suppose, bhikkhus, an arrowsmith were warming and heating an arrow shaft between two flames, making it straight and workable.

When the arrow shaft had been warmed and heated between the two flames and had been made straight and workable, then at a later time he would not again warm and

hơ nóng và đốt nóng thân tên giữa hai ngọn lửa, khiến thân tên được thẳng và dễ uốn nắn.

Vì sao vậy? Vì mục đích người làm tên ấy hơ nóng và đốt nóng thân tên giữa hai ngọn lửa, khiến thân tên được thẳng và dễ uốn nắn đã được thành tựu.

Do vậy, sau một thời gian, người ấy không còn hơ nóng, đốt nóng thân tên giữa hai ngọn lửa để trở thành thẳng và dễ uốn nắn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Khi ta trú vào lạc, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp giảm thiểu.

Nhưng khi ta tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã, các bất thiện pháp giảm thiểu, các thiện pháp tăng trưởng. Vậy ta hãy tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã".

Vị ấy tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã. Do tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã, các bất thiện pháp giảm thiểu, các thiện pháp tăng trưởng.

Vị ấy sau một thời gian, không tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã. Vì sao vậy? Vì mục đích vị Tỷ-kheo ấy tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã đã thành tựu. Do vậy, sau một thời gian, vị ấy không tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh cần có kết quả.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây, Như Lai sanh ra ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Với thẳng trí, Ta tự thân chứng ngộ thế giới này, cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-

heat the arrow shaft and make it straight and workable.

Why is that? The purpose for which that arrowsmith had warmed and heated the arrow and made it straight and workable has been achieved;

that is why at a later time he would not again warm and heat the arrow shaft and make it straight and workable.

29. "So too, a bhikkhu considers thus... (as in §27 above) [226]...

that is why at a later time he does not exert himself in what is painful. Thus too, bhikkhus, the exertion is fruitful, the striving is fruitful.

30–37. "Again, bhikkhus, here a Tathāgata appears in the world, accomplished, fully enlightened... (as Sutta 51, §§12–19)... he purifies his mind from doubt.

môn, Bà-la-môn, các loài trời và loài người.

Khi đã chứng ngộ, Ta còn tuyên thuyết điều Ta đã chứng ngộ, Ta thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ. Ta giảng dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, trong sạch.

Người gia trưởng hay con người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nghe pháp ấy, sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai.

Khi có lòng tín ngưỡng ấy, người ấy suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không.

Thật không dễ gì cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc.

Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ, hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ, hay bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Vị ấy xuất gia như vậy, hành trì các học giới và hạnh sống các Tỷ-kheo, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết xấu hổ, sợ hãi, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.

Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Vị ấy từ bỏ đời sống không Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống đời sống viễn ly, tránh xa dâm dục hạ liệt.

Vị ấy từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, liên hệ đến sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chuyện chia rẽ ở những người kia.

Như vậy, vị ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thích thú trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

Vị ấy từ bỏ nói lời độc ác, tránh xa lời nói độc ác, nói những lời nói dịu hiền, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người; vị ấy nói những lời nói như vậy.

Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói pháp, nói luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, hợp lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.

Vị ấy từ bỏ không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ các món ăn phi thời;

từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, các cuộc trình diễn; từ bỏ không dùng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa, trang sức, và các thời trang; từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn;

từ bỏ không nhận vàng và bạc; từ bỏ không nhận các hạt sống; từ bỏ không nhận thịt sống, từ bỏ không nhận đàn bà con gái; từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai;

từ bỏ không nhận cừu và dê; từ bỏ không nhận gia cầm

và heo; từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái;

từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai; từ bỏ không dùng người làm môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ không buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường;

từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.

Vị ấy sống biết đủ, bằng lòng với tấm y để che thân với đồ ăn khát thực để nuôi sống, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát).

Như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh, cũng vậy, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi sống, đi tại chỗ nào cũng mang theo. Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, nội tâm hưởng lạc thọ không khuyết phạm.

Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên,

vị ấy tự chế ngự các nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc...

ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng, những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên,

vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy thành tựu Thánh hộ trì các căn này, nội tâm hưởng lạc thọ không uế nhiễm.

Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thọ dụng y đều tỉnh giác;

khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này, thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này, lựa một trú xứ thanh vắng, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây ngoài trời, đồng rơm.

Sau khi ăn xong và đi khát thực trở về, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

Vị ấy từ bỏ dục tham ở đời, sống với tâm thoát ly dục tham, gột rửa tâm hết dục tham.

Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng sanh hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.

Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.

Từ bỏ trạo cử, hối quá, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối quá.

Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Vị ấy, từ bỏ năm triền cái làm cho tâm ô uế, làm cho trí tuệ mọi lược này, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

38. "Having thus abandoned these five hindrances, imperfections of the mind that weaken wisdom, quite secluded from sensual pleasures, secluded from unwholesome states, he enters upon and abides in the first

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Và lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Và lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú thiền thứ ba.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Và lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến túc mạng trí.

jhāna, which is accompanied by applied and sustained thought, with rapture and pleasure born of seclusion.

Thus too, bhikkhus, the exertion is fruitful, the striving is fruitful.

39. “Again, bhikkhus, with the stilling of applied and sustained thought, a bhikkhu enters upon and abides in the second jhāna, which has self-confidence and singleness of mind without applied and sustained thought, with rapture and pleasure born of concentration.

Thus too, bhikkhus, the exertion is fruitful, the striving is fruitful.

40. “Again, bhikkhus, with the fading away as well of rapture, a bhikkhu abides in equanimity, and mindful and fully aware, still feeling pleasure with the body, he enters upon and abides in the third jhāna, on account of which noble ones announce: ‘He has a pleasant abiding who has equanimity and is mindful.’

Thus too, bhikkhus, the exertion is fruitful, the striving is fruitful.

41. “Again, bhikkhus, with the abandoning of pleasure and pain, and with the previous disappearance of joy and grief, a bhikkhu enters upon and abides in the fourth jhāna, which has neither-pain-nor-pleasure and purity of mindfulness due to equanimity.

Thus too, bhikkhus, the exertion is fruitful, the striving is fruitful.

42. “When his concentrated mind is thus purified, bright, unblemished, rid of imperfection, malleable, wieldy, steady, and attained to imperturbability, he directs it to knowledge of

Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, hai mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp.

Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này.

Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây".

Như vậy vị ấy nhớ đến những đời sống quá khứ, cũng với các nét đại cương và các chi tiết. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến sanh tử trí của chúng sanh.

Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy tuệ tri rõ ràng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Vị ấy nghĩ rằng: "Thật sự những vị chúng sanh này thành tựu những ác hạnh về thân, thành tựu những ác hạnh về lời nói, thành tựu những ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến.

Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

the recollection of past lives.

He recollects his manifold past lives, that is, one birth, two births... (as *Sutta 51, §24*)...

Thus with their aspects and particulars he recollects his manifold past lives. Thus too, bhikkhus, the exertion is fruitful, the striving is fruitful.

43. "When his concentrated mind is thus purified, bright, unblemished, rid of imperfection, malleable, wieldy, steady, and attained to imperturbability, he directs it to knowledge of the passing away and reappearance of beings...

(as *Sutta 51, §25*)...

Còn những vị chúng sanh này thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, Thiên giới, trên đời này.

Như vậy, vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy tuệ tri rõ ràng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến lậu tận trí.

Vị ấy tuệ tri như thật: "Đây là Khổ", tuệ tri như thật: "Đây là Khổ tập", tuệ tri như thật: "Đây là Khổ diệt", tuệ tri như thật: "Đây là Con Đường đưa đến khổ diệt"

tuệ tri như thật: "Đây là những lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", tuệ tri như thật: "Đây là Con Đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc".

Nhờ biết như vậy, thấy như vậy, tâm vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải

Thus with the divine eye, which is purified and surpasses the human, he sees beings passing away and reappearing, inferior and superior, fair and ugly, fortunate and unfortunate, and he understands how beings pass on according to their actions.

Thus too, bhikkhus, the exertion is fruitful, the striving is fruitful. [227]

44. "When his concentrated mind is thus purified, bright, unblemished, rid of imperfection, malleable, wieldy, steady, and attained to imperturbability, he directs it to knowledge of the destruction of the taints.

He understands as it actually is: 'This is suffering';... 'This is the origin of suffering';... 'This is the cessation of suffering';... 'This is the way leading to the cessation of suffering';...

'These are the taints';... 'This is the origin of the taints';... 'This is the cessation of the taints';... 'This is the way leading to the cessation of the taints.'

45. "When he knows and sees thus, his mind is liberated from the taint of sensual desire, from the taint of being, and from the taint of ignorance. When it is liberated there comes

thoát".

Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có trở lui đời sống này nữa". Như vậy, này các Tỷ-kheo là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai nói như vậy. Này các Tỷ-kheo, mười thuyết tùy thuyết hợp pháp của Như Lai đã nói như vậy đưa đến sự tán thán:

(1) Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân các việc đã làm trong quá khứ thọ lãnh lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, Như Lai thật sự đã làm những thiện hạnh trong thời quá khứ nên nay mới thọ lãnh vô lậu lạc thọ như vậy.

(2) Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, thọ lãnh lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, Như Lai thật sự được tạo ra bởi một vị Tạo hóa hiền thiện, nên nay mới thọ lãnh vô lậu lạc thọ như vậy.

(3) Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân kết hợp các điều kiện, thọ lãnh lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, Như Lai thật sự được thiện kết hợp, nên nay mới thọ lãnh vô lậu lạc thọ như vậy.

(4) Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân sanh loại, thọ lãnh lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, Như Lai thật sự được thiện sanh loại, nên nay thọ lãnh vô lậu lạc thọ như vậy.

(5) Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân tinh tấn hiện tại thọ lãnh lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, Như Lai thật sự đã tạo thiện tinh tấn hiện tại, vì rằng nay thọ lãnh vô lậu

the knowledge: 'It is liberated.'

He understands: 'Birth is destroyed, the holy life has been lived, what had to be done has been done, there is no more coming to any state of being.' Thus too, bhikkhus, the exertion is fruitful, the striving is fruitful.

46. "So the Tathāgata speaks, bhikkhus. And because the Tathāgata speaks thus, there are ten legitimate grounds for praising him:

(1) "If the pleasure and pain that beings feel are caused by what was done in the past, then the Tathāgata surely must have done good deeds in the past, since he now feels such taintless pleasant feelings.

(2) "If the pleasure and pain that beings feel are caused by the creative act of a Supreme God, then the Tathāgata surely must have been created by a good Supreme God, since he now feels such taintless pleasant feelings.

(3) "If the pleasure and pain that beings feel are caused by circumstance and nature, then the Tathāgata surely must have good luck, since he now feels such taintless pleasant feelings.

(4) "If the pleasure and pain that beings feel are caused by class [among the six classes of birth], then the Tathāgata surely must belong to a good class, since he now feels such taintless pleasant feelings.

(5) "If the pleasure and pain that beings feel are caused by exertion here and now, then the Tathāgata surely must strive well here and now, since he now feels such taintless

lạc thọ như vậy.

(6) Nay các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân hành động quá khứ thọ lãnh lạc khổ, Như Lai đáng được tán thán. Nếu các hữu tình không do nhân hành động quá khứ thọ lãnh lạc khổ, Như Lai đáng được tán thán.

(7) Nay các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân được một vị Tào hóa tạo ra, thọ lãnh lạc khổ, Như Lai đáng được tán thán. Nếu các hữu tình không do nhân được một vị Tào hóa tạo ra, thọ lãnh lạc khổ, Như Lai đáng được tán thán.

(8) Nay các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân kết hợp các điều kiện thọ lãnh lạc khổ, Như Lai đáng được tán thán. Nếu các hữu tình không do nhân các điều kiện kết hợp thọ lãnh lạc thọ khổ thọ, Như Lai đáng được tán thán.

(9) Nay các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân sanh loại thọ lãnh lạc khổ, Như Lai đáng được tán thán. Nếu các hữu tình, không do nhân sanh loại thọ lãnh lạc khổ, Như Lai đáng được tán thán.

(10) Nay các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân tinh cần hiện tại thọ lãnh lạc khổ, Như Lai đáng được tán thán.

Nay các Tỷ-kheo, Như Lai nói như vậy. Nay các Tỷ-kheo, mười thuyết tùy thuyết hợp pháp này Như Lai đã nói như vậy đưa đến sự tán thán.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

pleasant feelings.

(6) “If the pleasure and pain that beings feel are caused by what was done in the past, then the Tathāgata is to be praised; if not, then the Tathāgata is still to be praised.

(7) “If the pleasure and pain that beings feel are caused by the creative act of a Supreme God, then the Tathāgata is to be praised; if not, then the Tathāgata is still to be praised.

(8) “If the pleasure and pain that beings feel are caused by chance, then the Tathāgata is to be praised; if not, then the Tathāgata is still to be praised.

(9) “If the pleasure and pain that beings feel are caused by class, then the Tathāgata is to be praised; if not, then the Tathāgata is still to be praised.

(10) “If the pleasure and pain that beings feel are caused by exertion here and now, then the Tathāgata is to be praised; if not, [228] then the Tathāgata is still to be praised.

“So the Tathāgata speaks, bhikkhus. And because the Tathāgata speaks thus, there are these ten legitimate grounds for praising him.”

That is what the Blessed One said. The bhikkhus were satisfied and delighted in the Blessed One’s words.

Notes

The bracketed numbers [] embedded in the text refer to the page number of the Pali Text Society's edition of the *Majjhima Nikāya* (except for MN 92 and MN 98, wherein the numbers refer to the PTS edition of the *Sutta Nipāta*).

922. This doctrine, which is here ascribed to the Jains, is also taken up for criticism by the Buddha at SN 36:21/iv.230–31 and AN 3:61/i.173–74. The Buddha's teaching recognises the existence of feeling that is not the result of past action but a concomitant of present action, and also admits feeling that is neither kammically active nor kammic result.

923. From here until §5, "That being so...", also at MN 14.17– 19. The statement of the Nigaṇṭha Nātaputta, which at MN 14.17 introduces the Nigaṇṭhas' position, here comes afterwards, at §10, as the Nigaṇṭhas' justification for their assertion.

924. As at MN 95.14.

925. It is not fitting for them to make that declaration because their "intense exertion," i.e., their ascetic practice, is the cause for their painful feelings, as the Buddha states in §15.

926. This is a technical expression for an action that is to ripen in this present life.

927. MA: "An action [whose result] is to be experienced in a matured [personality]" is a synonym for an action [whose

result] is to be experienced here and now. “An action [whose result] is to be experienced in an unmatured personality” is a synonym for action [whose result] is to be experienced in the next life. But a specification is made as follows: any action that yields its result in the same life is one to be experienced here and now, but only an action that produces its result *within seven days* is called one to be experienced in a matured personality.

928. This is an action that does not gain the opportunity to yield its result and thereby becomes defunct.

929. *Issaranimmānahetu*. This doctrine of the theists is criticised by the Buddha at AN 3:61/i.174.

930. *Sangatibhāvahetu*. This alludes to the doctrine of Makkhali Gosāla, criticised at length at MN 60.21 and AN 3:61/ i.175.

931. *Abhijātihetu*. This also refers to a tenet of Makkhali Gosāla.

932. This is a formulation of the Buddha’s Middle Way, which avoids the extreme of self-mortification without falling into the other extreme of infatuation with sensual pleasure.

933. MA explains the source of suffering to be craving, so called because it is the root of the suffering comprised in the five aggregates. The passage shows two alternative approaches toward overcoming craving—one employing energetic striving, the other detached equanimity. The “fading away” of the source is identified by MA with the supramundane path. The passage is said to illustrate the

practice of one who progresses on a pleasant path with quick direct knowledge (*sukhapaṭipadā khippābhinnā*).

934. This passage is brought forth to show the Buddha's reason for permitting his monks to undertake the ascetic practices (*dhutanga*): the moderate use of austerities is conducive to overcoming the defilements; but they are not undertaken to wear away old kamma and to purify the soul, as the Jains and other ascetic sects believed. MA says that this passage illustrates the practice of one who progresses on a difficult path with sluggish direct knowledge (*dukkhapaṭipadā dandhābhinnā*).